TỔNG CỤC QUẢN LÝ THỊ TRƯỜNG
CỤC QUẢN LÝ THỊ TRƯỜNG TỈNH ĐỒNG THÁP

Số: 660 /TB-QLTTĐT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Đồng Tháp, ngày 05 tháng 8 năm 2024

THÔNG BÁO
Về việc lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản

Căn cứ Điều 56 Luật đấu giá tài sản năm 2016;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTP ngày 08/02/2022 của Bộ Tư pháp hướng dẫn lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản;

Căn cứ Quyết định số 132/QĐ-QLTTĐT ngày 02/8/2024 của Cục trưởng Cục Quản lý thị trường tỉnh Đồng Tháp về việc phê duyệt phương án xử lý tài sản là tang vật vi phạm hành chính bị tịch thu.

Cục Quản lý thị trường tỉnh Đồng Tháp xin thông báo về việc lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản, cụ thể như sau:

1. Tên, địa chỉ người có tài sản đấu giá:

Cục Quản lý thị trường tỉnh Đồng Tháp, địa chỉ: Số 155, đường Phù Đổng, phường Mỹ Phú, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

2. Tên tài sản bán đấu giá: Tài sản là tang vật vi phạm hành chính bị tịch thu, gồm 06 lô tài sản, cụ thể như sau:

Lô tài sản	Tài sản	Tổng trị giá tài sản (Đồng)
1	Quần áo may sẵn	79.750.000
2	Giày	27.670.000
3	Ốp lưng điện thoại, kính cường lực	47.450.000
4	Mắt kính, dao cạo râu, kiềm, nhíp, chiếu, thảm	32.605.000
5	Máy rửa xe dùng điện, động cơ máy dầu	59.100.000
6	Xe mô tô hai bánh	9.000.000

(Đính kèm bảng kê tài sản)

4. Tiêu chí lựa chọn tổ chức bán đấu giá:

- Thực hiện theo Phụ lục I kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTP ngày 08/02/2022 của Bộ Tư pháp hướng dẫn lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản *(đính kèm Phụ lục I).*

- Phần điểm cộng 5 điểm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTP ngày 08 tháng 02 năm 2022, cụ thể như sau:

+ Tổ chức đấu giá nào có kinh nghiệm đấu giá từ 4 năm trở lên được cộng 2 điểm, từ 3 năm đến dưới 4 năm được cộng 1,5 điểm, dưới 3 năm được cộng 1 điểm.

+ Tổ chức đấu giá nào có số tiền nộp thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc đóng góp vào ngân sách Nhà nước trong năm trước liền kề cao nhất (trừ thuế giá trị gia tăng): cộng 1 điểm.

+ Tổ chức đấu giá nào có mức thù lao dịch vụ đấu giá thấp nhất: cộng 2 điểm.

5. Thời gian và địa điểm nộp hồ sơ đăng ký:

Kể từ ngày 06/8/2024 đến ngày 08/8/2024 *(Trong giờ hành chính)* nếu các tổ chức đấu giá tài sản có nhu cầu thì nộp Hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện về địa chỉ: Cục Quản lý thị trường tỉnh Đồng Tháp, địa chỉ: Số 155, đường Phù Đổng, phường Mỹ Phú, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

*** Lưu ý:**

- Không hoàn lại hồ sơ đối với đơn vị có hồ sơ không được lựa chọn.

- Bán nguyên trạng tài sản, người được quyền mua tài sản tự chịu trách nhiệm hoàn thiện, bổ sung các thủ tục cần thiết theo quy định nếu đưa hàng hóa ra lưu thông trên thị trường.

Cục Quản lý thị trường tỉnh Đồng Tháp thông báo để các tổ chức đấu giá tài sản biết và đăng ký./.

Nơi nhận:
- Cục trưởng (b/c);
- Cổng TTĐT Cục;
- Niêm yết tại trụ sở Cục;
- Cổng TTĐTQG về ĐGTS;
- Lưu: VT,NVTH.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
CỤC QUẢN LÝ THỊ TRƯỜNG TỈNH ĐỒNG THÁP
TỔNG CỤC QUẢN LÝ THỊ TRƯỜNG

Nguyễn Thị Huệ

TỔNG CỤC QUẢN LÝ THỊ TRƯỜNG
CỤC QUẢN LÝ THỊ TRƯỜNG TỈNH ĐỒNG THÁP

BẢNG KÊ TÀI SẢN LÀ TANG VẬT VI PHẠM HÀNH CHÍNH BỊ TỊCH THU XỬ LÝ BÁN ĐẤU GIÁ

(Kèm theo Thông báo số: 660 /TB-QLTTĐT ngày 05 tháng 8 năm 2024 của Cục Quản lý thị trường tỉnh Đồng Tháp)

STT	Cơ quan ban hành	Quyết định xử phạt/tịch thu		Tài sản	Chủng loại, nhãn hiệu, Imei, Seri	Nguồn gốc, xuất xứ	Chất lượng hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
		Số	Ngày tháng								
I. Lô quần áo may sẵn					**Tổng trị giá tài sản**						**79.750.000**
1	Đội Quản lý thị trường số 1	49010052/QĐ-XPHC	09/5/2024	Bộ đồ jum nữ (áo liền quần)	Không nhãn hiệu	Không rõ NGXX	CQSD	Bộ	4	550.000	2.200.000
				Chân váy ngắn	Không nhãn hiệu	Không rõ NGXX	CQSD	Cái	5	300.000	1.500.000
				Áo thun nữ	Không nhãn hiệu	Không rõ NGXX	CQSD	Cái	20	150.000	3.000.000
				Áo khoác nữ	Nhãn hiệu MKN Fashoin	Không rõ NGXX	CQSD	Cái	16	350.000	5.600.000
				Quần dài nữ	Không nhãn hiệu	Không rõ NGXX	CQSD	Cái	10	320.000	3.200.000
				Đầm nữ	Không nhãn hiệu	Không rõ NGXX	CQSD	Cái	10	600.000	6.000.000
3	Đội Quản lý thị trường số 1	49010061/QĐ-XPHC	20/5/2024	Áo dây	Nhãn hiệu BQH	Không rõ NGXX	CQSD	Cái	12	150.000	1.800.000
				Áo thun	Nhãn hiệu YINI	Không rõ NGXX	CQSD	Cái	30	100.000	3.000.000
				Áo thun	Nhãn hiệu Babala jaixing, loại có nón	Không rõ NGXX	CQSD	Cái	18	150.000	2.700.000
				Áo thun	Nhãn hiệu Babala jaixing, loại không có nón	Không rõ NGXX	CQSD	Cái	12	140.000	1.680.000
				Áo thun	Nhãn hiệu Jeans	Không rõ NGXX	CQSD	Cái	24	90.000	2.160.000
				Áo thun	Nhãn hiệu K-LOFS	Không rõ NGXX	CQSD	Cái	18	110.000	1.980.000
				Áo thun	Nhãn hiệu Yanyishang	Không rõ NGXX	CQSD	Cái	18	100.000	1.800.000
				Áo thun	Nhãn hiệu XUNING	Không rõ NGXX	CQSD	Cái	12	110.000	1.320.000
				Áo sơ mi	Nhãn hiệu Yiyang Kids	Không rõ NGXX	CQSD	Cái	16	120.000	1.920.000
				Đồ bộ	Nhãn hiệu Fashion Classic	Không rõ NGXX	CQSD	Bộ	16	200.000	3.200.000
				Áo thun nữ các loại	Không nhãn hiệu	Không rõ NGXX	CQSD	Cái	57	180.000	10.260.000

STT	Cơ quan ban hành	Quyết định xử phạt/tịch thu		Tài sản	Chủng loại, nhãn hiệu, Imei, Seri	Nguồn gốc, xuất xứ	Chất lượng hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
		Số	Ngày tháng								
11	Đội Quản lý thị trường số 3	49030056/QĐ-XPHC	23/05/2024	Áo nữ	Không nhãn hiệu	Không rõ NGXX	CQSD	Cái	35	190.000	6.650.000
				Áo thun nam	Không nhãn hiệu	Không rõ NGXX	CQSD	Cái	46	190.000	8.740.000
				Quần jean dài nữ	Không nhãn hiệu	Không rõ NGXX	CQSD	Cái	14	250.000	3.500.000
				Quần sọt nữ	Không nhãn hiệu	Không rõ NGXX	CQSD	Cái	7	220.000	1.540.000
6	Đội Quản lý thị trường số 2	49020027/QĐ-XPHC	20/5/2024	Quần tây nữ	Không nhãn hiệu	Không rõ NGXX	CQSD	Cái	20	300.000	6.000.000
II. Lô giày					**Tổng trị giá tài sản**						**27.670.000**
2	Đội Quản lý thị trường số 1	49010055/QĐ-XPHC	10/5/2024	Giày nữ	Không nhãn hiệu	Không rõ NGXX	CQSD	Đôi	10	335.000	3.350.000
				Giày nữ	Không nhãn hiệu	Không rõ NGXX	CQSD	Đôi	10	330.000	3.300.000
				Giày nữ	Nhãn hiệu SHÓE-REN	Không rõ NGXX	CQSD	Đôi	10	440.000	4.400.000
4	Đội Quản lý thị trường số 1	49010067/QĐ-XPHC	24/5/2024	Giày	Nhãn hiệu H baby, loại giày bé gái	Không rõ NGXX	CQSD	Đôi	4	320.000	1.280.000
				Giày	Nhãn hiệu Bubudoo, loại giày bé trai	Không rõ NGXX	CQSD	Đôi	4	310.000	1.240.000
				Giày	Nhãn hiệu Shaungmei Fashion, loại giày bé gái	Không rõ NGXX	CQSD	Đôi	4	280.000	1.120.000
				Giày	không nhãn hiệu, loại giày thể thao trẻ em	Không rõ NGXX	CQSD	Đôi	14	250.000	3.500.000
				Giày	Nhãn hiệu Yuxin&Fashion, loại giày nữ	Không rõ NGXX	CQSD	Đôi	10	420.000	4.200.000
14	Đội Quản lý thị trường số 4	49040030/QĐ-XPHC	27/5/2024	Giày nữ các loại	Nhãn hiệu Aixiexiu	Không rõ NGXX	CQSD	Đôi	8	450.000	3.600.000
				Giày nữ	Nhãn hiệu MANOLO BLAHNIK	Không rõ NGXX	CQSD	Hộp	2	420.000	840.000
				Giày nữ	Nhãn hiệu AMINA MUADDI	Không rõ NGXX	CQSD	Hộp	2	420.000	840.000
III. Lô ốp lưng điện thoại, kính cường lực					**Tổng trị giá tài sản**						**47.450.000**
7	Đội Quản lý thị trường số 3	49030052/QĐ-XPHC	14/5/2024	Ốp lưng điện thoại di động	Không nhãn hiệu	Không rõ NGXX	CQSD	Cái	100	50.000	5.000.000
10	Đội Quản lý thị trường số 3	49030057/QĐ-XPHC	24/05/2024	Ốp lưng điện thoại di động	Không nhãn hiệu	Không rõ NGXX	CQSD	Cái	35	50.000	1.750.000
				Kính cường lực điện thoại di động	nhãn hiệu: WEKOME KINGKONG GLASS	Không rõ NGXX	CQSD	Cái	5	160.000	800.000
				Kính cường lực điện thoại di động	Không nhãn hiệu	Không rõ NGXX	CQSD	Cái	20	60.000	1.200.000
				Kính cường lực điện thoại di động	Nhãn hiệu: BAIKO ESD GLASS.	Không rõ NGXX	CQSD	Cái	10	50.000	500.000

STT	Cơ quan ban hành	Quyết định xử phạt/tịch thu		Tài sản	Chủng loại, nhãn hiệu, Imei, Seri	Nguồn gốc, xuất xứ	Chất lượng hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
		Số	Ngày tháng								
				Kính cường lực điện thoại di động	Nhãn hiệu: KASL	Không rõ NGXX	CQSD	Cái	50	20.000	1.000.000
16	Đội Quản lý thị trường số 4	49040036/QĐ-XPHC	04/06/2024	Kính cường lực điện thoại di động	Nhãn hiệu KINGKONG GLASS	Trung Quốc	CQSD	Hộp	140	180.000	25.200.000
				Kính cường lực điện thoại di động	Nhãn hiệu KINGKONG GLASS WTP-009, loại 0.22mm (10 miếng/hộp)	Trung Quốc	CQSD	Hộp	40	300.000	12.000.000
IV. Lô mắt kính, dao cạo râu, kiềm, nhíp, chiếu, thảm					**Tổng trị giá tài sản**						**32.605.000**
12	Đội Quản lý thị trường số 3	49030059/QĐ-XPHC	31/05/2024	Kính mắt	Không nhãn hiệu. Chủng loại: Loại kính mát, loại nữ. Gọng kính: Kim loại	Không rõ NGXX	CQSD	Cái	15	400.000	6.000.000
13	Đội Quản lý thị trường số 4	49040028/QĐ-XPHC	17/05/2024	Dao cạo râu	Nhãn hiệu HONGLONG HL-877	Trung Quốc	CQSD	Hộp	48	80.000	3.840.000
				Dao cạo râu	Nhãn hiệu HONGLONG HL-518	Trung Quốc	CQSD	Hộp	12	80.000	960.000
				Nhip	Nhãn hiệu HD99	Trung Quốc	CQSD	Hộp	5	120.000	600.000
				Kềm cắt móng	Nhãn hiệu HD99	Trung Quốc	CQSD	Bộ	7	65.000	455.000
15	Đội Quản lý thị trường số 4	49040035/QĐ-XPHC	03/6/2024	Chiếu vải thành phẩm	Nhãn hiệu LOVELY MATS, kích thước: 1.8x1.98m, 10%cellulose	Trung Quốc	CQSD	Chiếc	60	200.000	12.000.000
				Thảm vải thành phẩm	Nhãn hiệu CARPET (APK), kích thước: 180x200cm, 100%polyester	Trung Quốc	CQSD	Tấm	20	250.000	5.000.000
				Chiếu vải thành phẩm	Nhãn hiệu JIAJUSHENGHUOGUAN, kích thước: 160x200cm	Trung Quốc	CQSD	Chiếc	15	250.000	3.750.000
V. Lô máy rửa xe dùng điện, động cơ máy dầu					**Tổng trị giá tài sản**						**59.100.000**
8	Đội Quản lý thị trường số 3	49030054/QĐ-XPHC	16/5/2025	Máy rửa xe dùng điện	Không nhãn hiệu, không thông số kỹ thuật	Không rõ NGXX	CQSD	Cái	2	1.800.000	3.600.000
9	Đội Quản lý thị trường số 3	49030055/QĐ-XPHC	21/05/2024	Máy rửa xe dùng điện	Không nhãn hiệu, không thông số kỹ thuật	Không rõ NGXX	CQSD	Cái	2	2.000.000	4.000.000
17	Cục Quản lý thị trường tỉnh Đồng Tháp	49000041/QĐ-XPHC	31/5/204	Động cơ máy dầu	Nhãn hiệu: Kubota, model: Z842	Nhật Bản	ĐQSD	Cái	1	9.000.000	9.000.000
				Động cơ máy dầu	Nhãn hiệu: Kubota, model: 64	Nhật Bản	ĐQSD	Cái	1	10.000.000	10.000.000
				Động cơ máy dầu	Nhãn hiệu: Kubota, model: 66	Nhật Bản	ĐQSD	Cái	2	10.500.000	21.000.000
				Động cơ máy dầu	Nhãn hiệu: Kubota, model: D74	Nhật Bản	ĐQSD	Cái	1	11.500.000	11.500.000
VI. Lô xe mô tô hai bánh					**Tổng trị giá tài sản**						**9.000.000**

STT	Cơ quan ban hành	Quyết định xử phạt/tịch thu		Tài sản	Chủng loại, nhãn hiệu, Imei, Seri	Nguồn gốc, xuất xứ	Chất lượng hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
		Số	Ngày tháng								
5	Đội Quản lý thị trường số 1	49010001/QĐ-TT	20/3/2024	Xe mô tô hai bánh	Biển kiểm soát số 67L8-9195;Nhãn hiệu JASPER, dung tích 108cm3;Màu xanh; Số khung: RRSWCH3RS61 - 001298; Số máy: VLF1P50FMH 50016298	-	ĐQSD, nguyên chiếc hoàn chỉnh cùng thông số kỹ thuật	Chiếc	1	2.500.000	2.500.000
18	Cục Quản lý thị trường tỉnh Đồng Tháp	49000001/QĐ-TT	04/6/2024	Xe mô tô hai bánh	Nhãn hiệu: VYEM, Số loại: Wave 110, Dung tích: 107 cm3, Màu sơn: Đen, Số khung: RNKWCH5UM5X153465 Số máy: VLF1P52FMH-350153465, Biển số kiểm soát: 66H1-043.89	-	ĐQSD, nguyên chiếc hoàn chỉnh cùng thông số kỹ thuật	Chiếc	1	2.000.000	2.000.000
19	Cục Quản lý thị trường tỉnh Đồng Tháp	49000002/QĐ-TT	04/06/2024	Xe mô tô hai bánh	Nhãn hiệu: HALIM; loại xe: Nữ, dung tích xi lanh: 97 cm3, màu sơn: Nâu, số loại: Dream; Biển số kiểm soát: 66FD-1665	-	ĐQSD, nguyên chiếc hoàn chỉnh cùng thông số kỹ thuật	Chiếc	1	500.000	500.000
20	Cục Quản lý thị trường tỉnh Đồng Tháp	49000003/QĐ-TT	06/6/2024	Xe mô tô hai bánh	Biển kiểm soát 52-X2.0076, nhãn hiệu YAMEN, số khung: VTTDCG0N5TT*000483*, số máy: VTTJL1P50FMG-D-000483, dung tích 97 cm3	-	ĐQSD, nguyên chiếc hoàn chỉnh cùng thông số kỹ thuật	Chiếc	1	2.000.000	2.000.000
21	Cục Quản lý thị trường tỉnh Đồng Tháp	49000004/QĐ-TT	06/6/2024	Xe mô tô hai bánh	THUHACO HONDA, BKS 52-NA 8384, số máy: LC 150FMG*02223056*, số khung: RRKWCHU4UMAX029505, dung tích 108 cm3	-	ĐQSD, nguyên chiếc hoàn chỉnh cùng thông số kỹ thuật	Chiếc	1	2.000.000	2.000.000

Ghi chú:

NGXX: Nguồn gốc, xuất xứ;

ĐQSD: Đã qua sử dụng;

CQSD: Chưa qua sử dụng.

PHỤ LỤC I
BẢNG TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ, CHẤM ĐIỂM TỔ CHỨC ĐẤU GIÁ TÀI SẢN[1]

(Kèm theo Thông báo số 660 /TB-QLTTĐT ngày 05 tháng 8 năm 2024 của Cục Quản lý thị trường tỉnh Đồng Tháp)

TT	NỘI DUNG	MỨC TỐI ĐA
I	**Cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá đối với loại tài sản đấu giá**	**23,0**
1	***Cơ sở vật chất bảo đảm cho việc đấu giá***	***11,0***
1.1	*Có trụ sở ổn định, địa chỉ rõ ràng kèm theo thông tin liên hệ (số điện thoại, fax, địa chỉ thư điện tử...)*	*6,0*
1.2	*Địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá được bố trí ở vị trí công khai, thuận tiện*	*5,0*
2	***Trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá***	***8,0***
2.1	*Có máy in, máy vi tính, máy chiếu, thùng đựng phiếu trả giá bảo đảm an toàn, bảo mật và các phương tiện khác bảo đảm cho việc đấu giá*	*4,0*
2.2	*Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại nơi bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá; nơi tổ chức cuộc đấu giá*	*4,0*
3	***Có trang thông tin điện tử đang hoạt động***	***2,0***
4	***Đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đủ điều kiện thực hiện hình thức đấu giá trực tuyến***	***1,0***
5	***Có nơi lưu trữ hồ sơ đấu giá***	***1,0***
II	**Phương án đấu giá khả thi, hiệu quả** *(Thuyết minh đầy đủ các nội dung trong phương án)*	**22,0**
1	***Phương án đấu giá đề xuất việc tổ chức đấu giá đúng quy định của pháp luật, bảo đảm tính công khai, minh bạch, khách quan***	**4,0**
2	***Phương án đấu giá đề xuất thời gian, địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá, địa điểm tổ chức cuộc đấu giá, buổi công bố giá thuận lợi cho người tham gia đấu giá; hình thức đấu giá, bước giá, số vòng đấu giá có tính khả thi và hiệu quả cao***	**4,0**
3	***Phương án đấu giá đề xuất cách thức bảo mật thông tin, chống thông đồng, dìm giá***	***4,0***
4	***Phương án đấu giá đề xuất thêm các địa điểm, hình thức niêm yết, thông báo công khai khác nhằm tăng mức độ phổ biến thông tin đấu giá***	***4,0***
5	***Phương án đấu giá đề xuất giải pháp bảo đảm an toàn, an ninh trật***	***3,0***

[1] Phụ lục kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTP ngày 08 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản.

	tự cho việc tổ chức thực hiện đấu giá	
6	***Phương án đấu giá đề xuất các giải pháp giải quyết các tình huống phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện việc đấu giá***	***3,0***
III	**Năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức đấu giá tài sản**	**45,0**
1	***Trong năm trước liền kề đã thực hiện hợp đồng dịch vụ đấu giá cùng loại tài sản với tài sản dự kiến đưa ra đấu giá (Tổ chức đấu giá tài sản liệt kê tất cả các cuộc đấu giá tài sản đã thực hiện. Người có tài sản không yêu cầu nộp bản chính hoặc bản sao hợp đồng) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 1.1, 1.2, 1.3, 1.4 hoặc 1.5***	***6,0***
1.1	*Dưới 03 hợp đồng (bao gồm trường hợp không thực hiện hợp đồng nào)*	*2,0*
1.2	*Từ 03 hợp đồng đến dưới 10 hợp đồng*	*3,0*
1.3	*Từ 10 hợp đồng đến dưới 20 hợp đồng*	*4,0*
1.4	*Từ 20 hợp đồng đến dưới 30 hợp đồng*	*5,0*
1.5	*Từ 30 hợp đồng trở lên*	*6,0*
2	***Trong năm trước liền kề đã tổ chức đấu giá thành các cuộc đấu giá cùng loại tài sản với tài sản dự kiến đưa ra đấu giá có mức chênh lệch trung bình giữa giá trúng đấu giá so với giá khởi điểm (Tổ chức đấu giá tài sản liệt kê tất cả các cuộc đấu giá tài sản đã thực hiện. Người có tài sản không yêu cầu nộp bản chính hoặc bản sao hợp đồng) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 2.1, 2.2, 2.3, 2.4 hoặc 2.5***	***18,0***
2.1	*Dưới 20% (bao gồm trường hợp không có chênh lệch)*	*10,0*
2.2	*Từ 20%) đến dưới 40%*	*12,0*
2.3	*Từ 40% đến dưới 70%*	*14,0*
2.4	*Từ 70% đến dưới 100%*	*16,0*
2.5	*Từ 100% trở lên*	*18,0*
3	***Thời gian hoạt động trong lĩnh vực đấu giá tài sản tính từ thời điểm có Quyết định thành lập hoặc được cấp Giấy đăng ký hoạt động (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản được thành lập trước ngày Luật Đấu giá tài sản có hiệu lực) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 3.1, 3.2 hoặc 3.3***	***5,0***
3.1	*Dưới 03 năm*	*3,0*
3.2	*Từ 03 năm đến dưới 05 năm*	*4,0*
3.3	*Từ 05 năm trở lên*	*5,0*
4	***Số lượng đấu giá viên của tổ chức đấu giá tài sản. Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 4.1, 4.2 hoặc 4.3***	***3,0***
4.1	*01 đấu giá viên*	*1,0*

4.2	*Từ 02 đến dưới 05 đấu giá viên*	*2,0*
4.3	*Từ 05 đấu giá viên trở lên*	*3,0*
5	***Kinh nghiệm hành nghề của đấu giá viên của tổ chức đấu giá tài sản (Tính từ thời điểm được cấp Thẻ đấu giá viên theo Nghị định số 05/2005/NĐ-CP ngày 18/01/2005 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc đăng ký danh sách đấu giá viên tại Sở Tư pháp theo Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04/3/2010 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc Thẻ đấu giá viên theo Luật Đấu giá tài sản)*** ***Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 5.1, 5.2 hoặc 5.3***	***4,0***
5.1	*Không có đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 03 năm trở lên*	*2,0*
5.2	*Từ 01 đến 02 đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 03 năm trở lên*	*3,0*
5.3	*Từ 03 đấu giá viên trở lên có thời gian hành nghề từ 03 năm trở lên*	*4,0*
6	***Nộp thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc đóng góp vào ngân sách Nhà nước trong năm trước liền kề, trừ thuế giá trị gia tăng*** ***Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 6.1, 6.2, 6.3 hoặc 6.4***	***5,0***
6.1	*Dưới 50 triệu đồng*	*2,0*
6.2	*Từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng*	*3,0*
6.3	*Từ 100 triệu đồng đến dưới 200 triệu đồng*	*4,0*
6.4	*Từ 200 triệu đồng trở lên*	*5,0*
7	***Đội ngũ nhân viên làm việc theo hợp đồng lao động*** ***Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 7.1 hoặc 7.2***	***3,0***
7.1	*Dưới 03 nhân viên (bao gồm trường hợp không có nhân viên nào)*	*2,0*
7.2	*Từ 03 nhân viên trở lên*	*3,0*
8	***Có người tập sự hành nghề trong tổ chức đấu giá tài sản trong năm trước liền kề hoặc năm nộp hồ sơ đăng ký tham gia lựa chọn***	***1,0***
IV	**Thù lao dịch vụ đấu giá, chi phí đấu giá tài sản phù hợp.** ***Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 1, 2 hoặc 3***	**5,0**
1	***Bằng mức thù lao dịch vụ đấu giá theo quy định của Bộ Tài chính***	***3,0***
2	***Giảm dưới 20% mức tối đa thù lao dịch vụ đấu giá (không áp dụng đối với mức thù lao phần trăm trên phần chênh lệch giá trị tài sản theo giá trúng đấu giá với giá khởi điểm theo quy định của Bộ Tài chính)***	***4,0***
3	***Giảm từ 20% trở lên mức tối đa thù lao dịch vụ đấu giá (không áp dụng đối với mức thù lao phần trăm trên phần chênh lệch giá trị tài sản theo giá trúng đấu giá với giá khởi điểm theo quy định của Bộ Tài chính)***	***5,0***
V	**Tiêu chí khác phù hợp với tài sản đấu giá do người có tài sản đấu**	***5,0***

	giá quyết định	
Tổng số điểm		**100**
VI	**Có tên trong danh sách các tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố**	
1	***Có tên trong danh sách tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố***	***Đủ điều kiện***
2	***Không có tên trong danh sách tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố***	***Không đủ điều kiện***